UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70 /QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 23 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể cho từng dự án thu hồi đất thuộc địa bàn các huyện: Than Uyên, Tân Uyên; Dự án đường Trung tâm xã Bản Giang - xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh về vệc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất; Thông qua danh mục các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang mục đích khác thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2014 và năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 59/TTr-STNMT ngày 20/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá đất cụ thể cho từng dự án thu hồi đất thuộc địa bàn hai huyện Than Uyên, Tân Uyên; Dự án đường Trung tâm xã Bản Giang - xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường. Tổng số gồm 149 dự án, cụ thể:

- 96 dự án thuộc huyện Than Uyên;
- 52 dự án thuộc huyện Tân Uyên;
- 01 dự án thuộc huyện Tam Đường.

(Có Danh mục chi tiết các dự án và giá đất cụ thể cho từng dự án thuộc địa bàn các huyện: Than Uyên, Tân Uyên; Dự án đường Trung tâm xã Bản Giang - xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường kèm theo)

Điều 2. Khu vực, vị trí và giá đất khu vực giáp ranh được quy định như sau:

1. Về khu vực, vị trí

Produced by ScanTopPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

1.1. Đối với đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1: Phải đảm bảo các điều kiện về yếu tố khoảng cách và lợi thế cho sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

- Có ít nhất một yếu tố khoảng cách như sau:

+ Phần diện tích đất nông nghiệp trong khu dân cư hoặc gần khu dân cư trong giới hạn khoảng cách ≤ 500 mét (tính từ ranh giới ngoài cùng của khu dân cư);

+ Phần diện tích đất nông nghiệp trong chợ hoặc gần chợ trong giới hạn khoảng cách ≤ 1000 mét (tính từ ranh giới ngoài cùng của chợ);

+ Phần diện tích đất nông nghiệp cách mép ngoài cùng của vỉa hè, hành lang bảo vệ đường bộ hoặc mép đường giao thông (đối với nơi chưa có quy hoạch) ≤ 500 mét.

- Kết hợp với ít nhất 02 trong 04 yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp là: địa hình bằng phẳng; thời tiết, khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; độ phì nhiêu cao; tưới tiêu chủ động.

b) Vị trí 2:

- Phần diện tích đất không được quy định là vị trí 1, có khoảng cách đến vị trí 1 ≤ 500 mét và kết hợp với ít nhất 01 trong 04 yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp là: địa hình bằng phẳng; thời tiết, khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; độ phì nhiêu cao; tưới tiêu chủ động

- Phần diện tích đất đảm bảo điều kiện về khoảng cách của vị trí 1 nhưng không đạt điều kiện về lợi thế cho sản xuất nông nghiệp của vị trí 1.

Trường hợp vị trí 2, cùng cánh đồng (ruộng lúa), cùng đồi (đất nương) với vị trí 1 và có ít nhất 02 trong 04 yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp được xếp vào vị trí 1.

c) Vị trí 3:

- Phần diện tích đất đảm bảo điều kiện về khoảng cách của vị trí 2 nhưng không đạt điều kiện về lợi thế cho sản xuất nông nghiệp của vị trí 2.

- Phần diện tích còn lại không được quy định là vị trí 1 hoặc vị trí 2.

Trường hợp vị trí 3, cùng cánh đồng (ruộng lúa), cùng đồi (đất nương) với vị trí 2 và có ít nhất 01 trong 04 yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp là: địa hình bằng phẳng; thời tiết, khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; độ phì nhiêu cao; tưới tiêu chủ động.

1.2. Đất phi nông nghiệp tại nông thôn:

a) Khu vực 1: Phần diện tích đất thuộc khu vực tiếp giáp Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường giao thông nông thôn tại trung tâm xã hoặc cụm xã đến mét thứ 1000; Phần diện tích đất nằm trong khu thương mại, dịch vụ, chợ, khu du lịch, khu công nghiệp hoặc gần ranh giới ngoài cùng của khu thương mại, dịch vụ, chợ, khu du lịch, khu công nghiệp có khả năng sinh lợi, có kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh

www.scantopdf.eu

hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ đến mét thứ 1000 và được chia làm ba vị trí:

- Vị trí 1: Phần diện tích đất cách mép ngoài cùng của vỉa hè, chỉ giới đường giao thông hoặc mép ngoài cùng của đường giao thông nông thôn (đối với nơi chưa có quy hoạch) ≤ 40 m; phần diện tích đất nằm trong khu thương mại, dịch vụ, chợ, khu du lịch, khu công nghiệp hoặc gần ranh giới ngoài cùng của khu thương mại, dịch vụ, chợ, khu du lịch, khu công nghiệp ≤ 40 m.

- Vị trí 2: Phần diện tích đất sau vị trí 1 (sau mét thứ 40) đến mét thứ 100.

- Vị trí 3: Phần diện tích còn lại của khu vực 1 không được quy định là vị trí 1 hoặc vị trí 2.

b) Khu vực 2: Phần diện tích đất thuộc khu vực tiếp giáp đường giao thông liên xã, liên thôn, bản đến mét thứ 1000; khu vực đất gần ranh giới ngoài cùng của khu vực 1 đến mét thứ 1000 và được phân thành 02 vị trí như sau:

- Vị trí 1: Phần diện tích đất cách ranh giới ngoài cùng của khu vực 1 ≤ 40 m; Phần diện tích đất cách mép ngoài cùng của đường giao thông ≤ 40 m.

- Vị trí 2: Phần diện tích đất còn lại của khu vực 2 không được quy định là vị trí 1.

c) Khu vực 3: Phần diện tích đất phi nông nghiệp còn lại trên địa bàn xã không thuộc khu vực 1 hoặc khu vực 2.

Trường hợp thửa đất, khu đất có nhiều cách xác định khu vực, vị trí thì được xác định theo cách tính cho giá đất cao nhất.

1.3. Đất phi nông nghiệp tại đô thị:

a) Vị trí 1: Phần diện tích đất có vị trí cách đường, phố, tính từ chỉ giới quy hoạch hành lang an toàn giao thông ≤ 20 m;

b) Vị trí 2: Phần diện tích đất sau vị trí 1 (sau mét thứ 20) đến mét thứ 40; đất gần với đường ngõ, ngách ≤ 20 m (mặt đường ngõ, ngách có chiều rộng từ 3m trở lên, cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, đi lại thuận tiện).

c) Vị trí 3: Phần diện tích đất phi nông nghiệp còn lại không được quy định là vị trí 1 hoặc vị trí 2.

2. Giá đất giáp ranh giữa các huyện, thành phố

Đất phi nông nghiệp thuộc khu vực giáp ranh được xác định theo đường địa giới hành chính giữa các huyện, thành phố vào mỗi bên 100 m; đối với đất nông nghiệp được xác định theo đường địa giới hành chính giữa các huyện, thành phố vào mỗi bên 200 m. Đất giáp ranh được xác định trọn thửa đất *(Trường hợp thửa đất có phần diện tích nằm ngoài giới hạn khoảng cách)*, giá đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thửa đất khu vực giáp ranh thuộc đơn vị hành chính có giá đất thấp hơn thì giá đất được xác định bằng trung bình giá đất cùng loại, cùng vị trí của hai đơn vị hành chính giáp ranh; Trường hợp thửa đất khu vực giáp ranh

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

c) Trường hợp các đơn vị hành chính được ngăn cách bởi sông, suối có chiều rộng bề mặt từ 50 m trở lên thì không xếp loại đất giáp ranh.

Điều 3. Giá đất cụ thể được phê duyệt tại Quyết định này làm căn cứ để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (Quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 114 của Luật Đất đai 2013).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy; (B/c)
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, CV các khối;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chương

Produced with Scan To PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÀ GIÁ ĐẤT CỤ THỂ CHO TỪNG DỰ ÁN THUỘC CÁC HUYỆN THAN UYÊN, TÂN UYÊN; DỰ ÁN ĐƯỜNG TRUNG TÂM XÃ BẢN GIANG – XÃ NÙNG NÀNG, HUYỆN TAM ĐƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 70/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. Huyện Than Uyên:

1. Dự án Tạo quỹ đất ở tại nông thôn thuộc khu vực ngã 3 Mường Kim, xã Mường Kim (số thứ tự 02 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,27 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ tại nông thôn, khu vực 1(Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**292**	**208**	**168**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

2. Dự án Tạo quỹ đất ở tại đô thị thuộc khu 5A, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 03 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ tại nông thôn, khu vực 1 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**292**	**208**	**168**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

3. Dự án Tạo quỹ đất ở tại đô thị thuộc khu 7B, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 04 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,77 ha, gồm các loại

www.scantopdf.eu

đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

4. Dự án Xây dựng mặt bằng điểm tái định cư Tèn Cò Mư, khu TĐC Ta Gia, xã Ta Gia (số thứ tự 07 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 15,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

5. Dự án mở rộng trường tiểu học xã Tà Hừa thuộc xã Tà Hừa (số thứ tự 09 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,07 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 1. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 1 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**150**	**130**	**110**

6. Dự án Trường mầm non số 2 xã Ta Gia (số thứ tự 14 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,35 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa 2 vụ, 1 vụ, Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 1 và khu vực 2. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất ở tại nông thôn (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	Khu vực 1			Khu vực 2	
	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2
Giá đất	**365**	**260**	**210**	**210**	**120**

7. Dự án Trường mầm non số 2 xã Khoen On (số thứ tự 15 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,35 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa 2 vụ, 1 vụ, Đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Produced with Scan to PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

8. Dự án điểm Trường mầm non Bản Mùi 1, xã Khoen On (số thứ tự 16 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,16 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất ở tại nông thôn. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất ở tại nông thôn (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	Khu vực 1			Khu vực 2	
	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2
Giá đất	**150**	**130**	**110**	**110**	**80**

9. Dự án điểm Trường mầm non Hua Đán, xã Khoen On (số thứ tự 17 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,10 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất đồi núi chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

10. Dự án điểm Trường mầm non Tà Lồm, xã Khoen On (số thứ tự 18 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,12 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất đồi núi chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

11. Dự án Trường THCS số 2 Phúc Than, xã Phúc Than (số thứ tự 19 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,75 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất đồi núi chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

12. Dự án Trường PTDT bán trú tiểu học số 2, xã Phúc Than (số thứ tự 20 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1, 2 vụ, đất nương rẫy, đất đồi núi chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác và Đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	29	25	23

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	28	25	22

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

13. Dự án điểm trường tiểu học bản Noong Thăng, xã Phúc Than (số thứ tự 21 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,11 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất đồi núi chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

14. Dự án điểm trường tiểu học bản Mớ, xã Phúc Than (số thứ tự 22 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,08 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

15. Dự án điểm trường tiểu học bản Nậm Vai, xã Phúc Than (số thứ tự 23 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND)có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy và Đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

16. Dự án trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học số 2, xã Ta Gia (số thứ tự 24 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,55 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	25	22	19

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	21	18	16

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	20	18	15

17. Dự án điểm trường tiểu học bản Nam, xã Ta Gia (số thứ tự 25 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,08 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	25	22	19

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	20	18	15

18. Dự án điểm trường tiểu học bản Mè, xã Ta Gia (số thứ tự 26 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,14 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

19. Dự án mở rộng trường THCS, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 27 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,96 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

20. Dự án mở rộng trường tiểu học số 2, xã Khoen On (số thứ tự 28 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,17 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1, 2 vụ, đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

21. Dự án xây dựng Nhà luyện tập thể thao, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 29 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị (thuộc các vị trí còn lại), đất nương rẫy và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất ở tại đô thị: 110 nghìn đồng/m^2.

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

22. Dự án xây dựng đường giao thông nông thôn bản Tà Mung đi bản Căng Kéo, xã Tà Mung (số thứ tự 30 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 2,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn thuộc khu

Produced with Scan to PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

vực 2 và khu vực 3. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất ở tại nông thôn (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Khu vực, vị trí	Khu vực 2		Khu vực 3
	VT1	VT2	
Giá đất	**22**	**17**	**15**

23. Dự án bãi đỗ xe, kho chứa hàng thị trấn Than Uyên khu dân cư mới (số thứ tự 30 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị:

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ hết sân vận động đến tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 279 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	850	450	250

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường nhánh Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ nhà ông Quyết (khu 7B) đến hết ranh gới đất nhà ông Mô (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	350	180	110

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

24. Dự án Tuyến đường từ bản Pá Khoang đi bản Pá Chít Tấu, xã Tà Hừa (số thứ tự 32 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 9,00 ha, gồm các loại đất: Đất đồi núi chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	17	15

25. Dự án Tuyến đường từ bản Hì đi bản Noong Quài, xã Ta Gia (số thứ tự 33 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 11,50 ha, gồm các loại đất: Đất đồi núi chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	25	22	19

26. Dự án Tuyến đường từ bản Mùi đi bản Hua Đán, xã Khoen On(số thứ tự 34 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 10,00 ha, gồm các loại đất: Đất đồi núi chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	17	15

27. Dự án Đường trục chính khu quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 35 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND)vcó diện tích khoảng 3,50 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất đồi núi chưa sử dụng và đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị:

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ hết sân vận động đến tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 279 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	850	450	250

www.scantopdf.eu

+ Đối với các vị trí đất còn lại là 110 nghìn đồng/m^2.

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

28. Dự án Đường quốc lộ 32 đi nhà thi đấu đa năng, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 36 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,10 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất đồi núi chưa sử dụng và đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị:

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ tiếp giáp ranh giới đất Hạt kiểm lâm đến hết ranh giới sân vận động (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	950	500	300

+ Đối với các vị trí đất còn lại là 110 nghìn đồng/m^2.

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

29. Dự án Đường quốc lộ 32 đi đường trục 3 khu 6, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 37 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,10 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị:

Produced with ScanTopPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ hết sân vận động đến tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 279 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	850	450	250

+ Đối với vị trí đất có thể xác định theo nhánh Quốc lộ 32 đoạn từ địa phận UBND thị trấn đến hết ranh giới đất nhà ông Thu – Thử (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	400	200	120

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

30. Dự án Đường trục nội bộ mở rộng khu 5A, 7B, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 38 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND)có diện tích khoảng 1,00 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, và đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị:

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ ngã 3 QL 279 đến hết ranh giới đất nhà ông Chiêng (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	750	370	220

+ Đối với vị trí đất có thể xác định giá theo đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ hết sân vận động đến tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 279 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	850	450	250

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

+ Các vị trí còn lại là 110 nghìn đồng/m^2.

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

31. Dự án Đường quốc lộ 32 đi khu 11, thị trấn Than Uyên (số thứ tự 39 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất ở tại đô thị, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Giá đất ở tai đô thị: đường Quốc lộ 32 thuộc đoạn từ hết sân vận động đến tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 279 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	850	450	250

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

32. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Huổi Khiết 1, 2, Đồi truyền hình, xã Mường Kim (số thứ tự 40 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 15,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

33. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Thẩm Phé mới, xã Mường Kim (số thứ tự 41 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

Produced by scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

34. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Pá Liềng 1, xã Tà Mung (số thứ tự 42 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 2,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

35. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC trung tâm, xã Tà Mung (số thứ tự 43 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 6,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

36. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Noong Thăng, xã Phúc Than (số thứ tự 44 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 6,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

37. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Nậm Sáng 1, 2, xã Phúc Than (số thứ tự 45 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 7,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

38. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Sam Sầu, xã Phúc Than (số thứ tự 46 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 7,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

www.scantopdf.eu

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

39. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Sắp Ngụa 1, 2, 3, xã Phúc Than (số thứ tự 47 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 12,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

www.scantopdf.eu

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

40. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Huổi Bắc, xã Pha Mu (số thứ tự 48 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

41. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Huổi Khang – Lán Min, xã Tà Hừa (số thứ tự 49 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

42. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Cáp Na 2, xã Tà Hừa (số thứ tự 50 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

Produced with ScantoPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

43. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Bản Mở, xã Khoen On (số thứ tự 51 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 8,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

44. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Bản Mùi, xã Khoen On (số thứ tự 52 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 8,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

Reduced with scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

45. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Bản Đốc, xã Khoen On (số thứ tự 53 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

46. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Tèn Cò Mư, xã Ta Gia (số thứ tự 54 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 4,50 ha, gồm các

www.scantopdf.eu

loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

47. Dự án xây dựng đường vào điểm TĐC Tèn Cò Mư, xã Ta Gia (số thứ tự 55 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 7,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

48. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC Pom Pa, xã Ta Gia (số thứ tự 56 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 4,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

49. Dự án xây dựng đường nội đồng điểm TĐC đồi ông Hoàng, xã Ta Gia (số thứ tự 57 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 4,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

50. Dự án Bờ kè suối Nậm Bốn từ đầu cầu đến xã Hua Nà, xã Mường Cang (số thứ tự 58 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,66 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1, 2 vụ, đất trồng cây hàng năm và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	29	25	23

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	28	25	22

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

51. Dự án thủy lợi bản Lướt, xã Mường Kim (số thứ tự 59 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 8,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1, 2 vụ, đất nương rẫy và đất đồi núi chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	29	25	23

Produced with scantopdf
www.scantopdf.eu

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	28	25	22

- Đất trồng nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

52. Dự án xây dựng thủy lợi Phiêng Mựt, xã Khoen On (số thứ tự 60 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

53. Dự án xây dựng thủy lợi Sông Đông, xã Ta Gia (số thứ tự 61 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND)có diện tích khoảng 3,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

Produced by Scan to PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

54. Dự án xây dựng thủy lợi Sam Sẩu, xã Phúc Than (số thứ tự 62 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 12,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

55. Dự án xây dựng thủy lợi Nậm Mít, xã Phúc Than (số thứ tự 63 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số

Produced with a trial version of PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 60,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp, đất ở tại nông thôn và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất ở tại nông thôn (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Khu vực, vị trí	Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
Giá đất	**470**	**320**	**225**	**320**	**225**	**120**

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

56. Dự án xây dựng khu nghĩa địa Bản Chát, xã Mường Kim (số thứ tự 69 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

57. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Thẩm Phé, xã Mường Kim (số thứ tự 70 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

58. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Hàng, xã Mường Kim (số thứ tự 71 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

Protected with free PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

59. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Huổi Khiết 1, xã Mường Kim (số thứ tự 72 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

60. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Huổi Khiết 2, xã Mường Kim (số thứ tự 73 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

61. Dự án xây dựng khu nghĩa địa Đồi truyền hình, xã Mường Kim (số thứ tự 74 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

62. Dự án xây dựng khu nghĩa địa trung tâm xã Tà Mung (số thứ tự 75 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

www.scantopdf.eu

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

63. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Noong Thăng 1, xã Phúc Than (số thứ tự 76 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

64. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Noong Thăng 2, xã Phúc Than (số thứ tự 77 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Bản quyền thuộc về scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

65. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Nậm Sáng 1, xã Phúc Than (số thứ tự 78 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

66. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Nậm Sáng 2, xã Phúc Than (số thứ tự 79 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	27	24	22

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	26	24	22

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	22	19	17

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	7	6	5

Powered with Scanto PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

67. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Sam Sẩu, xã Phúc Than (số thứ tự 80 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

68. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Sắp Ngụa 1+2, xã Phúc Than (số thứ tự 81 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

www.scantopdf.eu

69. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Sắp Ngụa 3, xã Phúc Than (số thứ tự 82 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

70. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Kẽm Quang, xã Mường Mít (số thứ tự 83 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

Preview with scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

71. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Vè, xã Mường Mít (số thứ tự 84 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

72. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Khoang, xã Mường Mít (số thứ tự 85 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

www.scantopdf.eu

73. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Nà Cang, xã Mường Cang (số thứ tự 86 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

74. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Huổi Bắc, xã Pha Mu (số thứ tự 87 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

www.scantopdf.eu

75. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Huổi Khang – Lán Min, xã Pha Mu (số thứ tự 88 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

76. Dự án xây dựng khu nghĩa địa bản Cáp Na 2, xã Tà Hừa (số thứ tự 89 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

Protected with free PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

77. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Láu Luông, xã Khoen On (số thứ tự 90 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

78. Dự án xây dựng khu nghĩa địa khu TĐC bản Mùi, xã Khoen On (số thứ tự 91 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

Protected with scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

79. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản Đốc, xã Khoen On (số thứ tự 92 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

80. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản Sàng, xã Khoen On (số thứ tự 93 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND)có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

www.scantopdf.eu

81. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản On, xã Khoen On (số thứ tự 94 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

82. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Tèn Cò Mư, xã Khoen On (số thứ tự 95 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

Produced with ScantoPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

83. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Phiêng Xá Cuông, xã Ta Gia (số thứ tự 96 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

84. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Pom Pa, xã Ta Gia có diện tích 97 khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

85. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC đồi ông Hoàng, xã Ta Gia (số thứ tự 98 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại

Scanned with CamScanner
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

86. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản Gia mới, xã Ta Gia (số thứ tự 99 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

87. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản Mè mới, xã Ta Gia (số thứ tự 100 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất

www.scantopdf.eu

nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

88. Dự án xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC Huổi Bắc 1, xã Pha Mu (số thứ tự 101 trong danh mục thu hồi đất của huyện Than Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

89. Dự án GPMB lòng hồ và san gạt mặt bằng điểm TĐC thủy điện Bản Chát thuộc các xã: Mường Mít, Tà Hừa, Pha Mu, Mường Kim, Mường Cang, Phúc Than, Hua Nà, Tà Mung có diện tích khoảng 33,10 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm

www.scantopdf.eu

nghiệp, đất ở tại nông thôn và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất ở tại nông thôn

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than	470	320	225	320	225	120
2	Xã Mường Kim	365	260	210	210	120	90
3	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	150	130	110	110	80	75

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	29	25	23
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	23	18	16

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	28	25	22
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	22	18	15

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	27	24	22
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	22	17	15

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	27	24	22
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	21	16	12

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	26	24	22
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	19	16	14

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	22	19	17
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	18	14	12

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Mường Cang, Phúc Than, Mường Kim, Hua Nà	7	6	5
2	Các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	5	4	3

www.scantopdf.eu

90. Dự án GPMB lòng hồ và san gạt mặt bằng điểm TĐC thủy điện Huội Quảng thuộc các xã: Ta Gia, Khoen On, Mường Kim có diện tích khoảng 111,40 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp, đất ở tại nông thôn và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất ở tại nông thôn

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
1	Các xã: Mường Kim, Ta Gia	365	260	210	210	120	90
2	Xã Khoen On	150	130	110	110	80	75

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	29	25	23
2	Xã Ta Gia	27	23	20
3	Xã Khoen On	23	18	16

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	28	25	22
2	Xã Ta Gia	26	22	20
3	Xã Khoen On	22	18	15

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	27	24	22
2	Xã Ta Gia	25	22	19
3	Xã Khoen On	22	17	15

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	27	24	22
2	Xã Ta Gia	25	22	19
3	Xã Khoen On	21	16	12

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	26	24	22
2	Xã Ta Gia	21	18	16
3	Xã Khoen On	19	16	14

Processed with Scanto PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	**22**	**19**	**17**
2	Xã Ta Gia	**20**	**18**	**15**
3	Xã Khoen On	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Xã Mường Kim	**7**	**6**	**5**
2	Xã Ta Gia	**6**	**5**	**4**
3	Xã Khoen On	**5**	**4**	**3**

91. Dự án xây dựng thủy lợi Cáp Na 2, xã Tà Hừa có diện tích khoảng 9,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

92. Dự án xây dựng các công trình công cộng Trường tiểu học Nậm Sáng 1, 2, xã Phúc Than có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

93. Dự án xây dựng công trình CNSH điểm TĐC bản Gia mới và bản Mè mới, xã Ta Gia có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**20**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**20**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**22**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**6**	**5**	**4**

94. Dự án xây dựng công trình CNSH điểm TĐC Bản Vè, xã Mường Mít có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Produced with Scanner PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**23**	**18**	**16**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**18**	**15**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**17**	**15**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**16**	**12**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**18**	**14**	**12**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**5**	**4**	**3**

95. Dự án xây dựng công trình đường lên điểm TĐC Bản Chát, xã Mường Kim có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

www.scantopdf.eu

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

96. Dự án xây dựng công trình thủy lợi Thẩm Phé + bản Hàng, xã Mường Kim có diện tích khoảng 15,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**25**	**23**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**28**	**25**	**22**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**24**	**22**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**24**	**22**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**17**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**7**	**6**	**5**

II. Huyện Tân Uyên:

1. Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc và nhà văn hóa xã Nậm Cần (số thứ tự 01 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

2. Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc và nhà văn hóa xã Pắc Ta (số thứ tự 02 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

3. Dự án Xây dựng Trạm y tế xã Pắc Ta (số thứ tự 05 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,15 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

4. Dự án Xây dựng Trường Mầm non bản Nà Sẳng, xã Pắc Ta (số thứ tự 07 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng

www.scantopdf.eu

cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

5. Dự án Xây dựng Trường Mầm non bản Khau Giềng, xã Hố Mít (số thứ tự 09 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,20 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

6. Dự án Xây dựng Sân vận động huyện, thị trấn Tân Uyên (số thứ tự 10 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại đô thị và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất ở tại đô thị (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**950**	**600**	**500**

7. Dự án Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu Bến xe Tân Uyên, xã Thân Thuộc (số thứ tự 11 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 1 và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

Protected with free Scan TO PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất ở tại nông thôn (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**320**	**240**	**150**

8. Dự án đường trung tâm xã Hố Mít – suối Lĩnh A – bản Lầu – bản Thảo A – Thảo B, xã Hố Mít (số thứ tự 12 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 6,60 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

9. Dự án đường vào bản Nà Nọi Mông, thị trấn Tân Uyên (số thứ tự 15 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,15 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**24**	**19**

Produced with Scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

10. Dự án đường giao thông bản Khâu Giềng, xã Pắc Ta (số thứ tự 17 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

11. Dự án đường giao thông bản Phiêng Ban, xã Pắc Ta (số thứ tự 18 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,42 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**20**	**18**	**15**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

12. Dự án đường giao thông bản Bó Lun 1, xã Pắc Ta (số thứ tự 19 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,75 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa

www.scantopdf.eu

nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**16**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

13. Dự án đường nội bản Hô Bon, xã Phúc Khoa (số thứ tự 20 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,22 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**24**	**19**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

14. Dự án đường nội đồng, xã Phúc Khoa (số thứ tự 21 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**29**	**24**	**19**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

Protected with Scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

15. Dự án tuyến đường Nậm Cung 2 – Nậm Cung 1 – Hô So, Hô Tra, xã Mường Khoa (số thứ tự 22 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 2,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

16. Dự án tuyến đường Phiêng Xe – Nà An, xã Mường Khoa (số thứ tự 23 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

17. Dự án tuyến đường bản Phiêng Cúm, xã Mường Khoa (số thứ tự 24 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,40 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

18. Dự án tuyến đường bản Phiêng Khon, xã Mường Khoa (số thứ tự 25 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

19. Dự án tuyến đường bản Phiêng Hào – Nậm Cung, xã Mường Khoa (số thứ tự 26 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,40 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

20. Dự án tuyến đường bản Phiêng Hào – Nà Nghè, xã Mường Khoa (số thứ tự 27 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,40 ha, gồm các loại

www.scantopdf.eu

đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

21. Dự án đường nông thôn Hô Pù – Khâu Giường, xã Hố Mít (số thứ tự 28 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

22. Dự án đường nông thôn Trung tâm UBND xã Bản Lầu - Mít Nọi - Bản Thào -Tà Hử (13km), xã Hố Mít (số thứ tự 29 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,95 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

www.scantopdf.eu

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

23. Dự án Cầu treo Suối Lĩnh A (42m, chiều rộng 1,8m), xã Hố Mít (số thứ tự 30 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,01 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

24. Dự án đường GTNT mới bản Ngan Ca, xã Nậm Sỏ (số thứ tự 31 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,50 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**17**	**14**	**11**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

25. Dự án đường nông thôn bản Nậm Bó – Nậm Sỏ 1, Nậm Sỏ 2, Ui Dạo, Ui Thái, xã Nậm Sỏ (số thứ tự 32 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 2,00 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

www.scantopdf.eu

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**17**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**17**	**14**	**11**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

26. Dự án đường nông thôn bản Nà Ui, xã Nậm Sỏ (số thứ tự 33 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,30 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**17**	**14**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**15**	**13**	**11**

27. Dự án cấp nước thị trấn Tân Uyên, thị trấn Tân Uyên (số thứ tự 35 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,80 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**18**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

28. Dự án nâng cấp thủy lợi Nậm Cả, xã Nậm Sỏ (số thứ tự 37 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,10 ha, gồm các loại đất: Đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**17**	**14**	**11**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

29. Dự án thủy bản Nà Ún, xã Pắc Ta (số thứ tự 38 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,08 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

30. Dự án mương thủy lợi, xã Phúc Khoa (số thứ tự 40 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,02 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**18**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

31. Dự án mương Nà Lò (bản Phiêng Phát 1), xã Trung Đồng (số thứ tự 41 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

www.scantopdf.eu

32. Dự án mương Huổi Ngùa, xã Trung Đồng (số thứ tự 42 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,03 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

33. Dự án mương Hào Hít, xã Trung Đồng (số thứ tự 43 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,04 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

34. Dự án mương Bút Dưới (1-2), xã Trung Đồng (số thứ tự 44 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,32 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

35. Dự án mương Tát Xôm 1, xã Trung Đồng (số thứ tự 45 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,04 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

36. Dự án mương Hua Cưởm, xã Trung Đồng (số thứ tự 46 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,04 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

37. Dự án mương Hua Cưởm – Bút Trên, xã Trung Đồng (số thứ tự 47 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,18 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 01 vụ, đất nương rẫy, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

Produced with Scan to PDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

38. Dự án mương Co Bả (Phiêng Phát 3), xã Trung Đồng (số thứ tự 48 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

39. Dự án mương Co Ngoa bản 25, xã Trung Đồng (số thứ tự 49 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,03 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

40. Dự án xây dựng Nhà văn hóa lao động khu vực Công ty cổ phần Trà Than Uyên, thị trấn Tân Uyên (số thứ tự 52 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 1,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

www.scantopdf.eu

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

41. Dự án Nhà Văn hóa tổ 4, thị trấn Tân Uyên (số thứ tự 53 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,40 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**18**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

42. Dự án Nhà Văn hóa bản Pắc Ta, xã Pắc Ta (số thứ tự 55 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,03 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

43. Dự án Nhà Văn hóa bản Bó Lun, xã Pắc Ta (số thứ tự 56 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

44. Dự án Nhà Văn hóa bản Nà Ún, xã Pắc Ta (số thứ tự 57 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng

Preview with scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

45. Dự án Nhà Văn hóa bản Phiêng Phát 1, xã Trung Đồng (số thứ tự 64 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,36 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

46. Dự án Nhà Văn hóa Hua Cưởm 2, xã Trung Đồng (số thứ tự 65 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,36 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng trồng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

47. Dự án Nhà Văn hóa Tát Xôm 1, xã Trung Đồng (số thứ tự 66 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,36 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Scanned with CamScanner
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng trồng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

48. Dự án Nhà Văn hóa Tát Xôm 2, xã Trung Đồng (số thứ tự 67 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,36 ha, gồm các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất rừng trồng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

49. Dự án Nhà Văn hóa bản Hô Pú, xã Hố Mít (số thứ tự 68 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

50. Dự án Nhà Văn hóa bản Nà Ui, Ít Luông, Tho Ló, xã Nậm Sỏ (số thứ tự 69 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 2,30 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**22**	**19**	**16**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**17**	**14**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**15**	**13**	**11**

- Đất rừng trồng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

51. Dự án Nghĩa trang bản Cang A, xã Pắc Ta (số thứ tự 70 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 0,05 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

52. Dự án Cụm thủy lợi Nậm Mít nằm trên địa bàn xã Hố Mít và xã Pắc Ta (số thứ tự 39 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 3.0 ha, gồm các loại đất: Đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Đất trồng lúa nước 2 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**22**	**18**

- Đất trồng lúa nước 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**17**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

www.scantopdf.eu

- Đất rừng trồng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**3**

III. Dự án đường Trung tâm xã Bản Giang - xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường tại địa bàn: phường Đông Phong, xã San Thàng, thành phố Lai Châu và các xã Bản Giang, Nùng Nàng, huyện Tam Đường (số thứ tự 18 trong danh mục thu hồi đất của huyện Tân Uyên kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND) có diện tích khoảng 15,01 ha, gồm các loại đất: Đất ở nông thôn, Đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất rừng sản xuất, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

a) Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu

Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**21**	**17**

b) Xã San Thàng, thành phố Lai Châu

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**27**	**23**	**18**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**21**	**17**

- Đất trồng cây lâu năm (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**26**	**21**	**17**

c) Xã Bản Giang, huyện Tam Đường

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**25**	**21**	**16**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Produced with ScanTopdf
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**24**	**20**	**16**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**19**	**16**	**13**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**4**	**3**	**2**

- Đất ở tại nông thôn khu vực 1 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**120**	**80**	**55**

- Đất Trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**96**	**64**	**44**

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**72**	**48**	**33**

d) Xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường

- Đất trồng lúa 1 vụ (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**18**	**14**

- Đất trồng cây hàng năm khác (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**17**	**14**

- Đất nuôi trồng thủy sản (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**21**	**17**	**14**

- Đất nương rẫy (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**17**	**14**	**11**

- Đất rừng sản xuất (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Produced with scanPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**3**	**2**	**2**

- Đất ở tại nông thôn khu vực 1 (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**120**	**80**	**55**

- Đất Trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**96**	**64**	**44**

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng (Đơn vị tính: nghìn đồng/m^2)

Vị trí	VT1	VT2	VT3
Giá đất	**72**	**48**	**33**

Produced with Scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Produced with ScanToPDF

www.scantopdf.eu

www.scantopdf.eu